

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2018/HSST

Ngày 21/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ D, TỈNH B

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Nhung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Cao Tấn Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 134/2018/HSST ngày 17 tháng 5 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn L (tên gọi khác: Hòa), sinh năm 1995 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông không rõ và bà Trần Thị T, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 06/3/2018. Có mặt.

- Người bị hại: Anh Võ Thanh K, sinh năm 1998; thường trú: Xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Anh Trần Văn Q, sinh năm 1993; thường trú: Tổ 8, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

2/ Chị Trần Thị T, sinh năm 1984; thường trú: 47 KDC Vietsing, khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: I29, đường số 5, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có mặt;

3/ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; thường trú: Ô 47 DC12, khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

4/ Anh Lê Hồng V, sinh năm 1990; thường trú: Thôn 7, xã H, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

5/ Chị Trần Thị T, sinh năm 1984; thường trú: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

6/ Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1983; thường trú: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn L và Võ Thanh K là bạn bè và ở gần nhà trọ Đức Tân thuộc khu phố Bình Đường 1, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vào khoảng 12 giờ ngày 18/02/2018 (tức ngày mùng 3 tết nguyên đán) Trần Văn L đi tìm Võ Thanh K để rủ uống rượu. Khi đến phòng trọ số F21 của chị Nguyễn Thị L thuộc nhà trọ Đức Tân, khu phố Bình Đường 1, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, đối diện phòng trọ của Võ Thanh K, Trần Văn L nhìn thấy cửa phòng trọ mở, trong phòng có chị Nguyễn Thị L và anh Võ Thanh K đang nằm ngủ trên sàn nhà. Trần Văn L đi vào phòng trọ số F21 định gọi Võ Thanh K dậy thì Trần Văn L nhìn thấy điện thoại di động hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng của anh Võ Thanh K đang để trên tủ lạnh. Trần Văn L lén lút đi đến tủ lạnh dùng tay trái lấy điện thoại di động hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng bỏ vào túi quần Jean bên trái rồi đi về phòng trọ của Trần Văn L. Sau khi về phòng trọ Trần Văn L đã mượn xe mô tô biển số 38P1-085.75 của anh Lê Hồng V đi đến tiệm cầm đồ Tuấn Hải 2, khu phố Bình Đường 1, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, tại tiệm cầm đồ Trần Văn L đã gặp chị Trần Thị T và nói cầm điện thoại cho bạn, do đã say nên không nhớ mặt khẩu. Nghe vậy, chị Trần Thị T cầm điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng với giá 3.000.000 đồng.

Ngày 05/3/2018 Trần Văn L gặp bạn là Trần Văn Q và nói có điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng đang cầm tại tiệm cầm đồ Tuấn Hải 2 với giá 3.000.000 đồng, nếu Trần Văn Q muốn sử dụng phải bỏ tiền ra tiệm cầm đồ chuộc lại thì Trần Văn Q đồng ý. Trần Văn L đưa giấy cầm đồ cho Trần Văn Q và cùng đi đến tiệm cầm đồ Tuấn Hải 2 chuộc lại điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng với số tiền 3.180.000 đồng bao gồm cả tiền gốc và lãi.

Do không sử dụng được vì không mở được mặt khẩu, vào khoảng 19 giờ ngày 06/3/2018 Trần Văn Q mang điện thoại trên đến tiệm cầm đồ Tuấn Hải 3 thuộc khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với ý định cầm lại điện thoại. Lúc này, anh Võ Thanh K và anh Lê Hồng V cũng đến tiệm cầm đồ Tuấn Hải 3. Tại đây, anh Võ Thanh K phát hiện điện thoại do Trần Văn Q đang cầm trên đây là điện thoại của Võ Thanh K bị mất trộm. Trần Văn Q đã kể lại toàn bộ sự việc cho Võ Thanh K nghe và Trần Văn Q nói Võ

Thanh K đưa tiền rồi lấy lại điện thoại. Võ Thanh K không có tiền chuộc và nói với Trần Văn Q cứ giữ điện thoại hay cầm cổ thì tùy Trần Văn Q quyết định, Võ Thanh K sẽ yêu cầu Trần Văn L đến chuộc lại sau. Sau đó, Trần Văn Q vào tiệm cầm đồ Tuấn Hải 3 cầm cho anh Nguyễn Văn H với giá 3.500.000 đồng.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, Võ Thanh K gặp Trần Văn L hỏi về điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng bị mất, Trần Văn L đã thừa nhận hành vi chiếm đoạt điện thoại vào ngày 18/02/2018, sau đó Võ Thanh K chở Trần Văn L đến trụ sở Công an phường An Bình đầu thú.

Theo kết luận định giá số 43/BB.ĐG ngày 16/3/2018 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An kết luận: Điện thoại di động hiệu Samsung J7 Plus, màu trắng hồng, trị giá 3.800.000 đồng.

Đối với chị Trần Thị T cầm điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng cho Trần Văn L vào ngày 18/02/2018, anh Nguyễn Văn H cầm điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng cho Trần Văn Q vào ngày 06/3/2018 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An không đề cập xử lý.

Đối với anh Lê Hồng V cho Trần Văn L mượn xe mô tô biển số 38P1-085.75 nhưng không biết Trần Văn L mượn xe để đi cầm điện thoại vừa chiếm đoạt nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An không đề cập xử lý.

Đối với Trần Văn Q nhận giấy cầm đồ từ Trần Văn L để đi chuộc điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng từ tiệm Cầm đồ Tuấn Hải 2 không biết là tài sản do Trần Văn L phạm tội mà có, còn việc cầm điện thoại cho tiệm cầm đồ Tuấn Hải 3 do có sự đồng ý của chủ sở hữu là anh Võ Thanh K. Hành vi của Trần Văn Q không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với Trần Văn Q.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá số 43/BB.ĐG ngày 16/3/2018 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An nêu trên.

Tại cáo trạng số 147/CT - VKS ngày 17 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh B truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án từ 04 tháng đến 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- 01 điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng Công an thị xã Dĩ An đã thu hồi và trả lại cho người bị hại anh Võ Thanh K, anh Võ Thanh K không yêu cầu gì khác nên không xem xét;

- 02 giấy cầm đồ do Trần Văn L và Trần Văn Q đã cầm điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng cho tiệm cầm đồ Tuấn Hải 2, Tuấn Hải 3 , đề nghị tịch thu lưu trong hồ sơ vụ án;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị T yêu cầu bị cáo Trần Văn L và Trần Văn Q trả lại số tiền đã cầm đồ 3.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 3.500.000 đồng cho anh Nguyễn Văn H và chị Trương Thị Tiệp.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội: Khoảng 12 giờ ngày 18/02/2018 Trần Văn L đến phòng trọ của Võ Thanh K để rủ Khánh đi uống rượu. Khi đến phòng trọ số F21 thuộc dãy nhà trọ Đức Tân, khu phố Bình Đường 1, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương Trần Văn L nhìn thấy Võ Thanh K đang nằm ngủ trên sàn nhà của phòng trọ đối diện với phòng của Võ Thanh K. Trần Văn L đi vào phòng và nhìn thấy điện thoại di động hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng đang để trên nắp tủ lạnh. Trần Văn L lợi dụng lúc mọi người trong phòng đang ngủ, lén lút dùng tay trái lấy điện thoại di động hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng bỏ vào túi quần Jean bên trái, sau khi lấy được điện thoại Trần Văn L đi về phòng trọ của mình và mượn xe mô tô biển số 38P1-085.75 của anh Lê Hồng V chạy đến tiệm cầm đồ Tuấn Hải 2 cầm điện thoại với giá 3.000.000 đồng.

Ngày 05/3/2018 Trần Văn L đưa giấy cầm đồ cho Trần Văn Q và cùng đi đến tiệm cầm đồ Tuấn Hải 2 chuộc lại điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng với số tiền 3.180.000 đồng bao gồm cả tiền gốc và lãi.

Khoảng 19 giờ ngày 06/3/2018 Trần Văn Q mang điện thoại trên đến tiệm cầm đồ Tuấn Hải 3 với ý định cầm lại điện thoại. Tại đây, anh Võ Thanh K phát hiện điện thoại do Trần Văn Q đang cầm trên đây là điện thoại của Võ Thanh K bị mất trộm và nói với Trần Văn Q cứ giữ điện thoại hay cầm cố thì tùy Trần Văn Q quyết định. Sau đó, Trần Văn Q vào tiệm cầm đồ Tuấn Hải 3 cầm cho anh Nguyễn Văn H với giá 3.500.000 đồng.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, Võ Thanh K gặp Trần Văn L và Trần Văn L đã thừa nhận hành vi chiếm đoạt điện thoại vào ngày 18/02/2018 nhưng không có tiền đi chuộc lại điện thoại, sau đó Võ Thanh K chở Trần Văn L đến trụ sở Công an phường An Bình đầu thú.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Như vậy, hành vi của bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại có trị giá 3.800.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 147/CT - VKS ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam, tư lợi, bị cáo đã cố tình vi phạm. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 06/3/2018 do Công an phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương lập. Tuy nhiên, việc bị cáo đến Công an phường An Bình là do người bị hại yêu cầu bị cáo đi chuộc lại điện thoại chiếm đoạt, bị cáo nói không có tiền cho nên bị hại đã chở bị cáo đến Công an phường An Bình, chứ không phải bị cáo tự nguyện đầu thú. Do đó, bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với tình tiết đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người lao động, nghề nghiệp làm thuê, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Xét 02 giấy cầm đồ do Trần Văn L và Trần Văn Q đã cầm điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng cho tiệm cầm đồ Tuấn Hải 2, Tuấn Hải 3 là vật chứng, cần tịch thu lưu trong hồ sơ vụ án.

- Tài sản bị chiếm đoạt là 01 điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng của người bị hại anh Võ Thanh K, tài sản đã thu hồi trả lại cho anh Võ Thanh K, tại cơ quan điều tra anh Võ Thanh K không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 3.500.000 đồng anh Nguyễn Văn H cầm điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng cho Trần Văn Q, đây là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị T. Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn L tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 3.500.000 đồng cho anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị T. Tại phiên tòa chị Trần Thị T đồng ý để cho bị cáo Trần Văn L bồi thường toàn bộ số tiền 3.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[9] Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định cũng không làm ảnh hưởng đến tình hình phòng chống tội phạm tại địa phương.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Đối với chị Trần Thị T cầm điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng cho Trần Văn L vào ngày 18/02/2018, anh Nguyễn Văn H cầm điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng cho Trần Văn Q vào ngày 06/3/2018 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An không đề cập xử lý.

[11] Đối với anh Lê Hồng V cho Trần Văn L mượn xe mô tô biển số 38P1-085.75 nhưng không biết Trần Văn L mượn xe để đi cầm điện thoại vừa chiếm đoạt nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An không đề cập xử lý.

[12] Đối với Trần Văn Q nhận giấy cầm đồ từ Trần Văn L để đi chuộc điện thoại hiệu Sam Sung J7 Plus màu trắng hồng từ tiệm Cầm đồ Tuấn Hải 2 không biết là tài sản do Trần Văn L phạm tội mà có, còn việc cầm điện thoại cho tiệm cầm đồ Tuấn Hải 3 do có sự đồng ý của chủ sở hữu là anh Võ Thanh K. Hành vi của Trần Văn Q không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với Trần Văn Q.

[13] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu trong hồ sơ vụ án 02 giấy cầm đồ của tiệm cầm đồ Tuấn Hải 2 và Tuấn Hải 3.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Văn L bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị T số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị T có yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả cho anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị T khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (06);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- UBND x. Công Liêm, H. Nông Cống, T. Thanh Hóa(01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- Lưu: V.Thư, HSVA (02).

Nguyễn Thị Thụy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Dĩ An, ngày 21 tháng 6 năm 2018

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ D, TỈNH B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

Căn cứ Điều 299 và 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Vào hồi giờ phút, ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Trần Văn L bị truy tố về tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề phải giải quyết như sau:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội Trộm cắp tài sản.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về điều luật và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h,i,s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2018.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu trong hồ sơ vụ án 02 giấy cầm đồ của tiệm cầm đồ Tuấn Hải 2 và Tuấn Hải 3.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Văn L bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị T số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị T có yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả cho anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị T khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

5. Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

